

Bản án số: 108/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 13-8-2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đào Đắc Cẩm Tú;

Ông Ngô Văn Cơ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 164/2024/TLST-HNGĐ 24 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Dương Thanh T, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn S, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 05 tháng 4 năm 2024, nguyên đơn bà Nguyễn Dương Thanh T trình bày:

Bà Nguyễn Dương Thanh T và ông Trần Văn S tổ chức cưới nhưng đến ngày 08/8/2016 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T. Sau khi cưới vợ chồng

chung sống hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2017 thì cuộc sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng ý kiến. Bà và ông S đã không còn chung sống với nhau khoảng 07 năm nay. Nay bà T yêu cầu ly hôn với ông S.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 04 con chung tên Trần Nguyễn Tú N, sinh ngày 10/3/2008, Trần Nguyễn Đình T1, sinh ngày 18/02/2013, Trần Nguyễn Thảo N1, sinh ngày 30/7/2006 và Trần Nguyễn Đăng N2, sinh ngày 07/3/2015, hiện nay 04 con đang sống với cha là Trần Văn S. Khi ly hôn bà nhường quyền nuôi các con cho ông S, bà không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Trần Văn S:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, nhưng ông Trần Văn S vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng không nộp văn bản thể hiện ý kiến cho Tòa án.

- *Tại tờ tường trình ngày 09 tháng 7 năm 2024, con chung Trần Nguyễn Tú N, Trần Nguyễn Đình T1, Trần Nguyễn Thảo N1, và Trần Nguyễn Đăng N2 trình bày ý kiến:* Khi cha mẹ ly hôn không còn sống chung với nhau, các cháu có nguyện vọng sống với cha là ông Trần Văn S.

- *Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử bà T được ly hôn với ông S. Về con chung: Đề nghị giao cho ông S được quyền trực tiếp nuôi 04 con chung là Trần Nguyễn Tú N, sinh ngày 10/3/2008, Trần Nguyễn Đình T1, sinh ngày 18/02/2013, Trần Nguyễn Thảo N1, sinh ngày 30/7/2006 và Trần Nguyễn Đăng N2, sinh ngày 07/3/2015 cho đến khi 04 con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Ông S không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét và đề nghị tuyên về án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Dương Thanh T và ông Trần Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Bà T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông S vắng mặt, không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Văn S và bà Nguyễn Dương Thanh T tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 08/8/2016 tại Ủy ban nhân dân xã T nên quan

hệ hôn nhân giữa ông Trần Văn S và bà Nguyễn Dương Thanh T là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét lý do yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Dương Thanh T: Theo đơn khởi kiện, bà T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn và cương quyết yêu cầu được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, bà T và ông S đã không còn chung sống với nhau đã 07 năm nay do bất đồng ý kiến, không hàn gắn được. Do đó có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa bà T và ông S đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Bà T và ông S có 04 con chung là Trần Nguyễn Tú N, sinh ngày 10/3/2008, Trần Nguyễn Đình T1, sinh ngày 18/02/2013, Trần Nguyễn Thảo N1, sinh ngày 30/7/2006 và Trần Nguyễn Đăng N2, sinh ngày 07/3/2015. Hiện nay 04 con đang sống chung với ông S và các cháu đều có nguyện vọng sống với ông S. Bà T cũng đồng ý nhường quyền nuôi 04 con chung cho ông S. Hội đồng xét xử căn cứ theo nguyện vọng của các con chung và nhằm để ổn định, không làm ảnh hưởng đến cuộc sống của con chung thì cần thiết giao 04 con chung là Trần Nguyễn Tú N, sinh ngày 10/3/2008, Trần Nguyễn Đình T1, sinh ngày 18/02/2013, Trần Nguyễn Thảo N1, sinh ngày 30/7/2006 và Trần Nguyễn Đăng N2, sinh ngày 07/3/2015 cho ông S trực tiếp nuôi cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Bà T được quyền thăm nom 04 con chung không ai được quyền cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông S không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T và ông S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] LỜI đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Dương Thanh T đối với bị đơn ông Trần Văn S.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Dương Thanh T được ly hôn với ông Trần Văn S.

2. Về con chung: Giao cho ông Trần Văn S được quyền trực tiếp nuôi 04 con chung là Trần Nguyễn Tú N, sinh ngày 10/3/2008, Trần Nguyễn Đình T1, sinh ngày 18/02/2013, Trần Nguyễn Thảo N1, sinh ngày 30/7/2006 và Trần Nguyễn Đăng N2, sinh ngày 07/3/2015 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Bà Nguyễn Dương Thanh T được quyền thăm nom 04 con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Trần Văn S không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Dương Thanh T và ông Trần Văn S không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Dương Thanh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu Tạm ứng án phí, Lệ phí Toà án số 0004690 ngày 20/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên. Bà Nguyễn Dương Thanh T đã nộp xong.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

7. Về việc thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Mỹ Xuyên;
- UBND xã Thạnh Quới
(Theo GCNKH số 120 ngày 08/8/2016);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mến